

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch
Ông Vương Bá Lân	Ủy viên
Ông Lê Phương Nam	Ủy viên
Bà Chu Thị Minh Nguyệt	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017)
Ông Nguyễn Thế Sơn	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017)
Bà Trần Thị Hương	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Trần Thị Yên	Trưởng ban
Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Nguyễn Thị Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Khắc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Vương Bá Lân	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN

Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Khắc Hùng

Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 032302/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (gọi tắt là “Công ty”), được lập Ngày 23 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán từ chối.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như trình bày tại thuyết minh số V.9 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang trình bày khoản đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô với số tiền là 32.000.000.000 đồng là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để đánh giá việc trình bày khoản đầu tư này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính trình bày của khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và giá trị khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn có thể phải trích lập cho khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác đang được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Như trình bày tại thuyết minh số V.4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang trình bày khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đào tạo Quốc tế Đông Đô với số tiền là 5.000.000.000 đồng là khoản phải thu khác. Tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để đánh giá việc trình bày khoản tiền này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính trình bày của khoản mục phải thu dài hạn khác và giá trị khoản dự phòng phải thu khó đòi hoặc dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác có thể phải trích lập cho khoản tiền này cũng như ảnh hưởng của việc trình bày khoản mục này tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.5 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang thể hiện khoản tạm ứng của ông Vương Bá Lân để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cơ khí chính xác lô CN10 khu B - Khu công nghiệp Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương với số tiền là 7.600.000.000 đồng. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được bằng chứng để đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục phải thu này và ảnh hưởng của khoản mục này đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang thể hiện khoản tạm ứng của ông Vương Bá Lân để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cơ khí chính xác lô CN10 khu B - Khu công nghiệp Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương với số tiền là 7.600.000.000 đồng trong số dư khoản phải thu khác. Tuy nhiên, chúng tôi không có thêm bằng chứng đầy đủ và chi tiết về tiến độ của dự án để đảm bảo hợp lý rằng khoản tạm ứng thực hiện dự án này có khả năng thu hồi.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Ngày 23 tháng 03 năm 2018

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.848.888.424	14.350.104.554
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.772.772.103	2.932.831.618
1. Tiền	111	V.1	2.772.772.103	2.932.831.618
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	583.760.000	556.522.160
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.507.090.600	4.507.090.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.923.330.600)	(3.950.568.440)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.799.185.694	10.173.263.237
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	6.176.280.000	6.176.280.000
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	695.000.000	1.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16.071.602.111	16.139.179.654
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.143.696.417)	(13.142.196.417)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		693.170.627	687.487.539
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		653.758.862	648.075.774
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	39.411.765	39.411.765
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.361.649.066	40.370.819.066
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000.000	5.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5c	5.000.000.000	5.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		122.259.618	122.259.618
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	122.259.618	122.259.618
- Nguyên giá	222		352.942.724	352.942.724
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(230.683.106)	(230.683.106)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	3.239.389.448	3.239.389.448
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.500.000.000	1.500.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.739.389.448	1.739.389.448
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.000.000.000	32.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	32.000.000.000	32.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	9.170.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	9.170.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		54.210.537.490	54.720.923.620

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.773.991.795	5.885.593.522
I. Nợ ngắn hạn	310		5.773.991.795	5.885.593.522
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		36.162.719	34.069.707
2. Người mua trả trước ngắn hạn	312	V.10	5.000.000.000	5.000.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	100.964.516	110.827.141
4. Phải trả người lao động	314		120.911.558	217.743.672
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		473.255.857	473.255.857
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		42.697.145	49.697.145
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.436.545.695	48.835.330.098
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	48.436.545.695	48.835.330.098
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.266.980.000	57.266.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.266.980.000	57.266.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.951.500.000	8.951.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		864.665.333	864.665.333
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.666.553.143)	(18.120.400.140)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(18.120.400.140)	(16.572.867.440)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(546.153.003)	(1.547.532.700)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.953.505	(127.415.095)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		54.210.537.490	54.720.923.620



Phạm Thị Tân
Người lập
Ngày 23 tháng 03 năm 2018



Phạm Thị Tân
Kế toán trưởng



Trần Khắc Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	70.334	320.870
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(27.057.106)	7.145.120
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	423.647.855	2.045.390.232
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(396.520.415)	(2.052.214.482)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	2.263.988	417.479.854
13. Lợi nhuận khác	40		(2.263.988)	(417.479.854)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(398.784.403)	(2.469.694.336)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(398.784.403)	(2.469.694.336)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(546.153.003)	(2.441.977.627)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		147.368.600	(27.716.709)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(95)	(426)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	(95)	(426)

Phạm Thị Tân

Phạm Thị Tân
Người lập
Ngày 23 tháng 03 năm 2018

Phạm Thị Tân

Phạm Thị Tân
Kế toán trưởng



Trần Khắc Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(398.784.403)	(2.469.694.336)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	-	28.299.512
Các khoản dự phòng	03	(47.237.840)	952.184.357
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(70.334)	(320.870)
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	322.781.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(446.092.577)	(1.166.750.337)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	83.394.455	(11.015.819.508)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(104.601.727)	(518.064.740)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	9.170.000	44.012.381
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(7.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(465.129.849)	(12.656.622.204)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(1.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	305.000.000	12.600.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.334	320.870
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	305.070.334	11.600.320.870
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(160.059.515)	(1.056.301.334)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.932.831.618	3.989.132.952
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.772.772.103	2.932.831.618



Phạm Thị Tân
Người lập
Ngày 23 tháng 03 năm 2018



Phạm Thị Tân
Kế toán trưởng



Trần Khắc Hùng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0102210969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2007. Mã số doanh nghiệp trên thay cho mã số doanh nghiệp số 0103016723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 04 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 10 ngày 26 tháng 05 năm 2014, số vốn điều lệ của Công ty là 57.266.980.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 05 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 07 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng kinh doanh;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Đại lý môi giới, đấu giá;
- Dịch vụ viễn thông khác chưa được phân vào đâu;
- Quảng cáo;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- Hoạt động nghệ thuật, sáng tác và giải trí;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, ...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc cưới, hội họp, đám cưới...);
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất rượu vang;
- Xây dựng công trình công ích; và
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là hoạt động thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị	Mối liên quan	Địa chỉ
Trụ sở chính		Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	Công ty con	Km 11, đường Nguyễn Văn Linh, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 01 công ty con là Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường.

Chi tiết thông tin về Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường như sau:

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường
Địa chỉ : Km 11, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Bàn, Hà Nội
Hoạt động chính : Là công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, xây lắp.

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 5.265.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 90%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 90%

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là XX năm (theo VAS11-Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm). Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.763.540.874	2.914.152.922
Tiền gửi ngân hàng	9.231.229	18.678.696
Cộng	2.772.772.103	2.932.831.618

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNNSố 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt NamMÃ SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**2. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (i)	3.784.029.600	(*)	(3.304.720.400)	3.784.029.600
Công ty Cổ phần NTACO (ii)	376.320.000	11.712.960	(364.607.040)	376.320.000
Công ty CP Vận tải biển và BDS Việt Hải (iii)	247.741.000	22.000.000	(225.741.000)	247.741.000
Công ty CP Sara Việt Nam	75.000.000	37.500.000	(37.500.000)	75.000.000
Công ty CP Lilama 45.4 (iv)	24.000.000	6.000.000	(18.000.000)	24.000.000
Cộng	4.507.090.600	77.212.960	(3.950.568.440)	4.507.090.600
				77.212.960
				(3.950.568.440)

(i) Đây là khoản đầu tư vào Cổ phiếu PVF của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 24 tháng 09 năm 2013, cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam hủy niêm yết để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phương Tây thành Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCOMBANK). Việc chuyển đổi khoản đầu tư vào Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam thành khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCOMBANK) theo Công văn số 5738/TB-TCĐK ngày 18 tháng 09 năm 2013 của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Thông báo của PVCOMBANK. Theo đó cổ đông sở hữu cổ phiếu PVF sẽ sở hữu cổ phiếu PVCOMBANK theo tỷ lệ 1:1 (01 cổ phần PVF được đổi 01 cổ phần PVCOMBANK).

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2017, Công ty chưa thu thập được giá thị trường đang giao dịch của cổ phiếu PVCOMBANK, do đó, giá trị dự phòng của khoản đầu tư này được trích lập dựa trên giá trị sổ sách của khoản đầu tư tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất so với thời điểm ngừng giao dịch của cổ phiếu PVF (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013) của Công ty.

(ii) Cổ phiếu bị hạn chế giao dịch do tổ chức kiểm toán có ý kiến kiểm toán trái ngược đối với BCTC 2016.

(iii) Cổ phiếu tạm ngừng giao dịch trên Upcom từ ngày 06/04/2016 do vi phạm quy định công bố thông tin.

(iv) Dưa cp vào diện bị cảnh báo từ 13.4.2017 do LNST năm 2016 và LNST chưa pp tại 31.12.2016 trên BCTC kiểm toán 2016 là số âm.

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Cá nhân Nguyễn Thị Xuân Nhân {i}	4.000.000.000	4.000.000.000
Cá nhân Trần Khắc Hùng {ii}	930.000.000	930.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.246.280.000	1.246.280.000
Cộng	6.176.280.000	6.176.280.000
b. Trả trước cho người bán là bên liên quan	930.000.000	930.000.000
(Xem chi tiết Thuyết minh VII.1)		

- {i} Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐCN số công chứng: 014826/2011 ngày 20 tháng 7 năm 2011 giữa Bà Nguyễn Thị Xuân Nhân và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN, Công ty đã mua 128m² đất tại địa chỉ thôn Ngọc Chi, huyện Đông Anh của Bà Nguyễn Thị Xuân Nhân nhằm mục đích kinh doanh. Bà Nguyễn Thị Xuân Nhân đã bàn giao các giấy tờ có liên quan đến mảnh đất này cho Công ty, tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa thực hiện xong các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vướng mắc trong việc thay đổi chủ sở hữu do bà Nhân đang phải chịu án tù. Do đó, khoản trả trước tiền mua đất này tiếp tục được trình bày trên khoản mục trả trước cho người bán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho toàn bộ khoản ứng trước này.
- {ii} Khoản ứng trước theo Hợp đồng số 20052013/ĐC ngày 20 tháng 05 năm 2013 giữa Công ty và Ông Trần Khắc Hùng để mua lô đất mặt đường rẽ đi Cửa Lò - Nghệ An diện tích 693m². Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ông Trần Khắc Hùng chưa thực hiện xong việc bàn giao đất và chuyển đổi sở hữu sang cho Công ty. Do đó, khoản trả trước tiền mua đất này tiếp tục được trình bày trên khoản mục trả trước cho người bán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trường Đại học Dân lập Đông Đô {i}	695.000.000	1.000.000.000
Cộng	695.000.000	1.000.000.000

- {i} Khoản phải thu cho Trường Đại học Dân lập Đông Đô vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2016/HĐVNN-DD ngày 11 tháng 01 năm 2016, số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. Phải thu ngắn/dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	8.170.089.132	8.238.250.172
<i>Ông Vương Bá Lân {ii}</i>	7.832.880.745	7.854.825.745
<i>Tạm ứng khác</i>	337.208.387	383.424.427
- Phải thu ngắn hạn khác	7.901.512.979	7.900.929.482
<i>Ông Phan Thế Hải {i}</i>	2.736.000.000	2.736.000.000
<i>Ông Trần Tổ {i}</i>	1.200.000.000	1.200.000.000
<i>Phải thu khác</i>	3.965.512.979	3.964.929.482
Cộng	16.071.602.111	16.139.179.654
b. Phải thu khác các bên liên quan (Xem chi tiết Thuyết minh VII.1)	337.208.387	383.424.427
c. Phải thu dài hạn khác		
Công ty TNHH Đào tạo Quốc tế Đông Đô {iii}	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

{i} Các khoản tạm ứng cho cá nhân là nhân viên Công ty nhưng đã nghỉ việc từ năm 2008.

{ii} Khoản tạm ứng cho ông Vương Bá Lân để tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cơ khí chính xác lô CN10 khu B - Khu công nghiệp Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

{iii} Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đào tạo Quốc tế Đông Đô theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 10/5/HĐHTKD/VNN - ĐĐ ngày 10 tháng 05 năm 2016 với giá trị 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng chẵn) để cùng nhau hợp tác dự án xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, thời hạn hợp tác là 5 năm kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2016 đến ngày 10 tháng 05 năm 2021; lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ vốn sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước. Thời điểm chia lợi nhuận: sau khi kết thúc dự án (khoảng 5 năm kể từ ngày góp vốn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017		Dự phòng thu hồi	Dự phòng VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
	VND	VND	VND	VND		
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi						
a. Các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi						
Nguyễn Thị Thanh Nhân	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
b. Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
Các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm						
- Tổng các khoản trả trước cho người bán	9.123.696.417	1.500.000	9.122.196.417	1.500.000	(9.118.696.417)	(9.142.196.417)
+ Công ty CP Tư vấn Kiến trúc Đô thị Hà Nội	9.118.696.417	-	9.118.696.417	-	(9.138.696.417)	(9.138.696.417)
+ Công ty TNHH Kiến trúc - Xây dựng Hà Nội	1.236.280.000	-	(1.236.280.000)	-	1.256.280.000	(1.256.280.000)
+ Công ty CP Tư vấn XD và PT Đô thị VN	445.000.000	-	(445.000.000)	-	445.000.000	(445.000.000)
+ Các khoản trả trước cho người bán khác	400.000.000	-	(400.000.000)	-	400.000.000	(400.000.000)
- Tổng các khoản phải thu ngắn hạn khác	125.000.000	-	(125.000.000)	-	125.000.000	(125.000.000)
+ Phan Thế Hải	266.280.000	-	(266.280.000)	-	286.280.000	(286.280.000)
+ Trần Tô	7.882.416.417	-	(4.877.622.517)	-	7.882.416.417	(7.882.416.417)
+ Phải thu ngắn hạn các đối tượng khác	2.736.000.000	-	(2.736.000.000)	-	2.736.000.000	(2.736.000.000)
Các khoản phải thu quá hạn từ 2 - 3 năm						
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Đồng Ga	1.200.000.000	-	(1.200.000.000)	-	1.200.000.000	(1.200.000.000)
	3.946.416.417	-	(941.622.517)	-	3.946.416.417	(941.622.517)
	5.000.000	1.500.000	(3.500.000)	1.500.000	5.000.000	(3.500.000)
	5.000.000	1.500.000	(3.500.000)	1.500.000	5.000.000	(3.500.000)
Cộng	13.123.696.417	1.500.000	(13.122.196.417)	1.500.000	13.143.696.417	(13.142.196.417)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị dụng cụ QL VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	241.542.727	72.727.273	38.672.724	352.942.724
Tại ngày 31/12/2017	241.542.727	72.727.273	38.672.724	352.942.724
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	124.201.674	67.808.708	38.672.724	230.683.106
Tại ngày 31/12/2017	124.201.674	67.808.708	38.672.724	230.683.106
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	117.341.053	4.918.565	-	122.259.618
Tại ngày 31/12/2017	117.341.053	4.918.565	-	122.259.618

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		
Dự án Đền Lừ {ii}	500.000.000	500.000.000
Dự án Mê Linh {iii}	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án Hà Nam {i}	1.739.389.448	1.739.389.448
Cộng	1.739.389.448	1.739.389.448
Cộng tài sản dở dang dài hạn	3.239.389.448	3.239.389.448

{i} Dự án xây dựng Khu đô thị mới "Thành phố truyền thông Vietnamnet", dự án "Khu văn phòng đại diện Vietnamnet tại thị xã Phú Lý" tại Đường Lê Công Thanh - xã Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam; xây dựng Khu đô thị mới "Thành phố truyền thông Long Sơn" tại Xã Đọi Sơn - huyện Duy Tiên - tỉnh Hà Nam. Các chi phí phát sinh liên quan đến dự án này chỉ bao gồm phí Tư vấn đầu tư và xây dựng phát sinh từ năm 2007, 2008. Từ năm 2008 đến nay Công ty không có thêm các hoạt động triển khai xin chấp thuận chủ trương và chấp thuận các dự án tại tỉnh Hà Nam, đồng thời Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt việc triển khai dự án.

{ii} Dự án Đền Lừ là khoản tiền Công ty đã trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim đặt cọc cho hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 15 tháng 06 năm 2007 về việc hợp tác đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại giao dịch Đền Lừ II. Tuy nhiên hợp đồng này đang bị tạm dừng do sau đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN đã chuyển giao quyền hợp tác đầu tư cho Công ty TNHH Thăng Long. Đến thời điểm này Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN chưa tiến hành ký thanh lý hợp đồng.

{iii} Dự án Mê Linh là tiền đã trả cho việc giải phóng mặt bằng xây dựng công viên Công nghệ truyền thông Mê Linh Media Hightech tại Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNNSố 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Trường Đại học Đông Đô {i}	32.000.000.000	(*)	-	32.000.000.000
Cộng	32.000.000.000	-	-	32.000.000.000

{i} Khoản đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô được xác định:

Theo thỏa thuận liên danh ngày 15 tháng 10 năm 2013, các thành viên liên danh gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Ông Trần Khắc Hùng cùng tham gia đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô. Tổng giá trị vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN góp 37 tỷ đồng (chiếm 74% trong tổng giá trị vốn góp), Công ty Cổ phần SARA Việt Nam góp 3 tỷ đồng (chiếm 6% trong tổng giá trị vốn góp) và Ông Trần Khắc Hùng góp 10 tỷ đồng (chiếm 20% trong tổng giá trị vốn góp). Theo thỏa thuận liên danh này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN được ủy quyền đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh đàm phán và ký kết hợp đồng đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô, nhằm trở thành nhà đầu tư chiến lược và duy nhất của Trường Đại học Dân lập Đông Đô.

Ngày 25 tháng 10 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN và Trường Đại học Dân lập Đông Đô đã thực hiện ký kết và thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư.

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 28 tháng 4 năm 2014, các bên liên danh kể trên đã thống nhất đồng ý để Công ty Cổ phần Sara Việt Nam rút khỏi liên danh đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Đông Đô.

Ngày 28 tháng 04 năm 2014, 5 tổ chức và cá nhân gồm Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại VNN, Ông Trần Khắc Hùng, Bà Nguyễn Thị Trang, Bà Phạm Đỗ Diệu Thu và Bà Trần Thị Yên đã ký Thỏa thuận liên danh để đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô với tổng số tiền đầu tư là 50 tỷ và số tiền góp vốn lần lượt là 37 tỷ đồng, 12 tỷ đồng, 400 triệu đồng, 200 triệu đồng và 400 triệu đồng. Các bên thống nhất để Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN được ủy quyền là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh tiếp tục đàm phán hoàn thiện thủ tục góp vốn với Trường Đại học Dân lập Đông Đô và hoàn tất quá trình chuyển đổi sang mô hình tư thực.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, tổng số vốn góp của liên danh vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô là 42 tỷ đồng. Theo Phụ lục hợp đồng góp vốn ngày 15 tháng 12 năm 2014 về việc điều chỉnh vốn góp đầu tư vào dự án Trường Đại học Dân lập Đông Đô, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN đồng ý góp 32 tỷ đồng vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên khác tham gia liên doanh đã rút vốn toàn bộ và chỉ còn hai nhà đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN và Ông Trần Khắc Hùng với phần vốn góp tương ứng là 32 tỷ đồng và 10 tỷ đồng. Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Trường Đại học Dân lập Đông Đô và các văn bản có liên quan nhằm xem xét việc phân loại khoản đầu tư này phù hợp với quy định trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

10. Người mua trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thăng Long {i}	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

{i} Khoản ứng trước được ghi nhận theo hợp đồng nguyên tắc số 40/TTHTDT được ký kết giữa Công ty TNHH Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet ngày 18 tháng 10 năm 2007. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet đồng ý nhượng quyền đầu tư 88% vốn đầu tư vào Dự án Trung tâm thương mại Đền Lừ mà Công ty đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim cho Công ty TNHH Thăng Long. Sau khi chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim và Công ty TNHH Thăng Long ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet phải tiếp tục chịu trách nhiệm hoàn thiện các hồ sơ pháp lý cho dự án này.

Ngày 15 tháng 06 năm 2016, Công ty nhận được Giấy triệu tập của Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai để tham gia tố tụng giải quyết vụ án kinh doanh thương mại với tư cách là bị đơn theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH Thăng Long. Công ty TNHH Thăng Long đã khởi kiện Công ty và đề nghị Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai tuyên bố Thỏa thuận nguyên tắc số 40/TTHTDT ký ngày 18 tháng 10 năm 2007 giữa Công ty TNHH Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của Pháp luật và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN phải thanh toán trả lại cho Công ty TNHH Thăng Long 5 tỷ đồng (số dư người mua trả trước ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất) và khoản tiền bồi thường thiệt hại là 3 tỷ đồng. Ngày 14 tháng 09 năm 2016, bản án sơ thẩm đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai thông qua, theo đó, Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thăng Long đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN về thỏa thuận nguyên tắc số 40/TTHTDT ký ngày 18 tháng 10 năm 2007. Công ty TNHH Thăng Long phải chịu toàn bộ án phí cho vụ kiện này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.411.765	-	-	39.411.765
Cộng	39.411.765	-	-	39.411.765
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế thu nhập cá nhân	98.204.641	12.600.000	22.462.625	108.067.266
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.759.875	5.274.988	5.274.988	2.759.875
Cộng	100.964.516	22.874.988	32.737.613	110.827.141

11. Vốn chủ sở hữu

a. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Số lượng	Số lượng
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.726.698	5.726.698
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.726.698	5.726.698
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.726.698	5.726.698
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.726.698	5.726.698
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.726.698	5.726.698

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN

Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	57.266.980.000	8.951.500.000	864.665.333	(15.678.422.514)	(99.698.385)	51.305.024.434						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(2.441.977.627)	(27.716.709)	(2.469.694.336)						
Số dư tại ngày 31/12/2016	57.266.980.000	8.951.500.000	864.665.333	(18.120.400.140)	(127.415.095)	48.835.330.098						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(546.153.003)	147.368.600	(398.784.403)						
Số dư tại ngày 31/12/2017	57.266.980.000	8.951.500.000	864.665.333	(18.666.553.143)	19.953.505	48.436.545.695						

12. Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty và công ty con đều có trụ sở tại thành phố Hà Nội. Vì vậy, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm 2016, Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	-	690.910.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	-	690.910.000

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	674.546.000
Cộng	-	674.546.000

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.334	320.870
Cộng	70.334	320.870

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Trích dự phòng các khoản đầu tư	-	7.061.840
Chi phí tài chính khác	(27.057.106)	83.280
Cộng	(27.057.106)	7.145.120

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	348.615.250	554.885.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	28.299.512
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	945.122.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.120.005	359.660.318
Chi phí bằng tiền khác	42.912.600	157.422.349
Cộng	423.647.855	2.045.390.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗi thanh lý TSCĐ	-	-
Các khoản bị phạt	-	94.698.854
Chi phí khác	2.800.000	322.781.000
Cộng	2.800.000	417.479.854

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(398.784.403)	(2.469.694.336)
(Lợi nhuận/(lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ)	(546.153.003)	(2.441.977.627)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.726.698	5.726.698
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(95)	(426)
Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	(95)	(426)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	348.615.250	554.885.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	28.299.512
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	945.122.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.120.005	359.660.318
Chi phí khác bằng tiền	42.912.600	157.422.349
Cộng	423.647.855	2.045.390.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	195.030.000	172.000.000
Cộng	195.030.000	172.000.000

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

Phạm Thị Tân
Người lập
Ngày 23 tháng 03 năm 2018Phạm Thị Tân
Kế toán trưởngTrần Khắc Hùng
Giám đốc